

Số: 82../GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 2610/CV-HA ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4828../TTr-CCBVMT ngày 08. tháng 11. năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An địa chỉ tại số 18 đường Kha Vạn Cân, phường An Bình, thành phố Dĩ An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu căn hộ, thương mại, dịch vụ cao tầng đường Kha Vạn Cân (diện tích: 14.757,3 m²; quy mô 1.441 căn hộ) tại số 18, đường Kha Vạn Cân, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:



1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu căn hộ, thương mại, dịch vụ cao tầng đường Kha Vạn Cân (diện tích: 14.757,3 m²; quy mô 1.441 căn hộ).

1.2. Địa điểm hoạt động: số 18, đường Kha Vạn Cân, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702642596 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 02 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 07 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3702642596 cấp ngày 23 tháng 02 năm 2018.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: đầu tư xây dựng Khu căn hộ với đầy đủ các hạ tầng kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Khu căn hộ:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án số 899/UBND-KTN ngày 05 tháng 03 năm 2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An về việc phê duyệt đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500).

- Tổng diện tích dự án: 14.757,3 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Khu căn hộ gồm 02 Block, cụ thể: Block A gồm 02 tầng hầm và 36 tầng nổi; Block B gồm 01 tầng hầm và 36 tầng nổi; với tổng quy mô 1.441 căn, dân số 5.764 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

X.H.C.
SỞ
GUYỄN
TRUỒN
H. D.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ...11... tháng ...11... năm 2022... đến ngày ...11... tháng ...11... năm 2032...).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Khu căn hộ, thương mại, dịch vụ cao tầng đường Kha Vạn Cân (diện tích: 14.757,3 m²; quy mô 1.441 căn hộ, dân số 5.764 người) tại số 18, đường Kha Vạn Cân, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CP ĐT KD Bất động sản Hà An;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Dĩ An;
- UBND phường An Bình;
- Thanh tra Sở;
- Cổng Thông tin điện tử của STNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Ngọc6.

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82.../GPMT-STNMT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

+ Đối với Block A:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân với lưu lượng khoảng 486 m³/ngày.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh kho lưu giữ chất thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 0,1 m³/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hồ bơi với lưu lượng khoảng 5 m³/ngày.

+ Đối với Block B:

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân với lưu lượng khoảng 719 m³/ngày.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh kho lưu giữ chất thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 0,1 m³/ngày.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hồ bơi với lưu lượng khoảng 5,5 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rạch Gò Dưa, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 điểm trên đường Phạm Văn Đồng (Kha Vạn Cân), phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, sau đó đầu nối vào hố ga hiện hữu (giữa cây xanh số 1407 và số 1409) trên đường Phạm Văn Đồng (Kha Vạn Cân), thuộc địa phận phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (việc đầu nối này đã được Trung tâm quản lý hạ tầng kỹ thuật – Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh thống nhất thỏa thuận đầu nối cống nhánh thoát nước tại địa chỉ số 18 đường Kha Vạn Cân, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương vào hệ thống thoát nước chung của thành phố tại văn bản số 228/TTH-THTN ngày 15 tháng 01 năm 2021).

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105°45', múi

chiều 3⁰): X (m) = 1.202.086,671; Y (m): 610.526,511.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.460 m³/ngày.đêm (tương đương 60,83m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý ở từng Block sẽ được bơm theo đường ống HDPE D150 mm ra hệ thống thu gom thoát nước thải của dự án bằng ống uPVC D300 mm, dẫn đến hố ga quan trắc nước thải được xây dựng tại cống vào Khu căn hộ (cống bảo vệ); từ đây nước thải tự chảy ra cống thoát nước chung bằng bê tông cốt thép D1200 mm nằm trên đường Phạm Văn Đồng (Kha Vạn Cân), phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, sau đó đầu nối vào hố ga hiện hữu (giữa cây xanh số 1407 và số 1409) trên đường Phạm Văn Đồng (Kha Vạn Cân), thuộc địa phận phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

- Hình thức xả: nước thải sau xử lý ở mỗi Block được bơm bằng 02 máy bơm (Block A: 02 máy, công suất 3 HP/1 máy; Block B: 02 máy, công suất 5 HP/1 máy) ra hố ga quan trắc nước thải xây dựng tại cống vào Khu căn hộ (cống bảo vệ); từ đây nước thải tự chảy ra cống thoát nước chung bằng bê tông cốt thép D1200 mm nằm trên đường Phạm Văn Đồng (Kha Vạn Cân) và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	3 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
3	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
4	BOD ₅	mg/L	30		-
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		-
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1		-

7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	30		-
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		-
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		-
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	6		-
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Đối với Block A:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân được thu gom về đường ống uPVC D140 mm, chiều dài 124 m về bể tự hoại đặt âm tại tầng hầm để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về ống uPVC D200 mm, chiều dài 4,7 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 590 m³/ngày.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh kho lưu giữ chất thải sinh hoạt thu gom bằng đường ống uPVC D60 mm, chiều dài 4 m, sau đó dẫn về đường ống uPVC 140 mm, chiều dài 5 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 590 m³/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hồ bơi được thu gom bằng đường ống uPVC D75 mm, chiều dài 12 m, sau đó dẫn về đường ống uPVC D160 mm, chiều dài 12,5 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 590 m³/ngày.

+ Đối với Block B:

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân được thu gom về đường ống uPVC D140 mm, chiều dài 124 m về bể tự hoại đặt âm tại tầng hầm để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về ống uPVC D200 mm, chiều dài 5,2 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 870 m³/ngày.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh kho lưu giữ chất thải sinh hoạt thu gom bằng đường ống uPVC D60 mm, chiều dài 4,7 m, sau đó dẫn về đường ống uPVC 140 mm, chiều dài 5,5 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 870 m³/ngày.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hồ bơi được thu gom bằng đường ống uPVC D75 mm, chiều dài 9,5 m, sau đó dẫn về đường ống uPVC D160 mm, chiều dài 12,5 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 870 m³/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải Block A:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh kho lưu giữ chất thải sinh hoạt và nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hồ bơi => Bể điều hòa => Bể Anoxic => Bể MBBR => Bể lắng => Bể khử trùng => Nguồn tiếp nhận (01 điểm trên đường Phạm Văn Đồng (Kha Vạn Cân), phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, sau đó đầu nối vào hố ga hiện hữu (giữa cây xanh số 1407 và số 1409) trên đường Phạm Văn Đồng (Kha Vạn Cân), thuộc địa phận phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

- Công suất thiết kế: 590 m³/ngày.đêm.
- Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày.
- Hóa chất sử dụng: Chlorine, mật rỉ đường.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải Block B:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh kho lưu giữ chất thải sinh hoạt và nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hồ bơi => Bể điều hòa => Bể Anoxic => Bể MBBR => Bể lắng => Bể khử trùng => Nguồn tiếp nhận (01 điểm trên đường Phạm Văn Đồng (Kha Vạn Cân), phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, sau đó đầu nối vào hố ga hiện hữu (giữa cây xanh số 1407 và số 1409) trên đường Phạm Văn Đồng (Kha Vạn Cân), thuộc địa phận phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

- Công suất thiết kế: 870 m³/ngày.đêm.
- Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày.
- Hóa chất sử dụng: Chlorine, mật rỉ đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.
- Vị trí lắp đặt: Tại hố ga tập trung tiếp nhận nước thải, sau công trình xử lý nước thải Block A và Block B, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
- Thông số lắp đặt: 07 thông số (pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni, 02 lưu lượng nước thải đầu vào truyền về số liệu tổng và 02 lưu lượng nước thải đầu ra truyền về số liệu tổng).

- Thiết bị lấy mẫu tự động: tủ lấy mẫu tự động.

- Camera theo dõi: 01 camera giám sát thiết bị trong nhà trạm, 01 camera xoay quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải (được đặt tại khu A), 01 camera thân tại hố ga thoát nước thải chung trước khi xả thải ra môi trường.

- Kết nối, truyền số liệu: Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại văn bản số 2579/STNMT-CCBVMT ngày 20 tháng 7 năm 2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại các bể để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Đối với các thiết bị, máy móc vận hành của hệ thống xử lý nước thải, Chủ đầu tư sẽ đầu tư song song thêm 01 bộ máy móc, thiết bị dự phòng; tổng thể tích các bể trong hạng mục xử lý nước thải có thể đảm bảo lưu chứa nước thải chưa xử lý trong vòng 24 giờ để chờ khắc phục sự cố. Chủ đầu tư cam kết sẽ không có trường hợp xả nước thải chưa xử lý trực tiếp ra môi trường.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Thời gian dự kiến

✓

vận hành thử nghiệm: sau 5 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực và dự kiến vận hành trong khoảng 01 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình xử lý nước thải Block A có công suất thiết kế 590 m³/ngày.đêm
- Công trình xử lý nước thải Block B có công suất thiết kế 870 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại bể điều hòa của công trình xử lý nước thải Block A.
- 01 vị trí sau bể khử trùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải của hệ thống xử lý nước thải Block A.
- 01 vị trí tại bể điều hòa của công trình xử lý nước thải Block B.
- 01 vị trí sau bể khử trùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải của hệ thống xử lý nước thải Block B.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải Block A và Block B theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

2.3.1 Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình: 21 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (3 đợt, 7 ngày/đợt).
- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: mẫu tổ hợp tại bể điều hòa và sau bể khử trùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải của từng công trình xử lý nước thải.
- Tần suất quan trắc: 7 ngày/lần.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD₅, Tổng chất lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat (PO₄³⁻), Tổng Coliforms.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1).

2.3.2 Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 7 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (3 đợt).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: mẫu đơn tại bể điều hòa và sau bể khử trùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải của từng công trình xử lý nước thải.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra sau bể khử trùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải trong 03 ngày liên tiếp của từng công trình xử lý nước thải).

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD₅, Tổng chất lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO₄³⁻), Tổng Coliforms.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo phương án đầu nối vào mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Handwritten signature in blue ink.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82.../GPMT-STNMT ngày 11 tháng 11 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải (Theo đề nghị của Công ty) :**

STT	Nguồn khí thải	
01	Nguồn khí thải số 01	Mùi phát sinh tại ống thoát khí sau quạt hút khí phát sinh từ công trình xử lý nước thải Block A.
02	Nguồn khí thải số 02	Mùi phát sinh tại ống thoát khí sau quạt hút khí phát sinh từ công trình xử lý nước thải Block B.
03	Nguồn khí thải số 03	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng tại tầng hầm B1, Block A (sử dụng nhiên liệu dầu DO)
04	Nguồn khí thải số 04	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng tại tầng hầm B1, Block B (sử dụng nhiên liệu dầu DO)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải :**2.1. Vị trí xả khí thải:**

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)
01	Dòng khí thải số 01	Mùi phát sinh tại ống thoát khí sau quạt hút khí phát sinh từ công trình xử lý nước thải Block A.	X (m) = 1.202.203,293; Y (m) = 610.435,588
02	Dòng khí thải số 02	Mùi phát sinh tại ống thoát khí sau quạt hút khí phát sinh từ công trình xử lý nước thải Block B.	X (m) = 1.202.325,045; Y (m) = 610.390,024
03	Dòng khí thải số 03	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng tại tầng hầm B1, Block A (sử dụng nhiên liệu dầu DO)	X (m) = 1.202.220,748; Y (m) = 610.428,641

04	Dòng khí thải số 04	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng tại tầng hầm B1, Block B (sử dụng nhiên liệu dầu DO)	X (m) = 1.202.326,752; Y (m) = 610.371,103
----	---------------------	---	---

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải tối đa là 1.200 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải tối đa là 1.800 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả khí thải tối đa là 19.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: lưu lượng xả khí thải tối đa là 10.500 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01, 02: Xả liên tục (24/24 giờ).
- Dòng khí thải số 03, 04: Xả gián đoạn (khi có hoạt động máy phát điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 1; K_v = 0,8) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí số 01 và số 02					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo Khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		
3	NH ₃	mg/Nm ³	50		
4	Metyl Mercaptan (CH ₃ HS)	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom, phát tán khí thải:

- Nguồn số 01 và số 02: Được thu gom và phát tán qua ống thải đặt trên sân thượng mỗi Block (tầng 36) có đường kính 220 mm, chiều cao 6 m (so với sân thượng).

- Nguồn số 03 và nguồn số 04: Được thu gom và thải ra ngoài môi trường ống thải có đường kính 400 mm, chiều cao 3 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, duy tu máy móc, thiết bị và các thiết bị dự phòng thay thế; theo dõi hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Phân công người vận hành, quản lý thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị và báo cáo thường xuyên tình trạng hoạt động của trang thiết bị cho Ban Giám đốc. Trường hợp gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 31 nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo nồng độ khí thải ra môi trường đáp ứng theo các quy chuẩn hiện hành.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

(Chữ ký)

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82.../GPMT-STNMT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

STT	Nguồn phát sinh	
01	Nguồn số 01	Khu vực trạm xử lý nước thải Block A
02	Nguồn số 02	Khu vực trạm xử lý nước thải Block B
03	Nguồn số 03	Khu vực máy phát điện dự phòng Block A
04	Nguồn số 04	Khu vực máy phát điện dự phòng Block B

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

STT	Vị trí phát sinh	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)
01	Nguồn số 01	X (m) = 1.202.187,856; Y (m) = 610.450,400
02	Nguồn số 02	X (m) = 1.202.287,665; Y (m) = 610.392,882
03	Nguồn số 03	X (m) = 1.202.220,748; Y (m) = 610.428,641
04	Nguồn số 04	X (m) = 1.202.326,752; Y (m) = 610.371,103

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82../GPMT-STNMT ngày 11 tháng 11 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

Các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát được Công ty quản lý theo chất thải nguy hại.

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	KS	Rắn	18
2	Thuốc diệt trừ các loại gây hại thải	16 01 05	NH	Rắn/lỏng	100
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	765
4	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	16 01 10	KS	Lỏng	20
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	NH	Rắn	100
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	NH	Lỏng	70
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	Rắn	30
8	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	Rắn	110
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	60
TỔNG KHỐI LƯỢNG					1.273

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	300
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	79.205
TỔNG KHỐI LƯỢNG			79.505

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân, nhân viên làm việc tại Khu căn hộ, được phân loại thành nhóm, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh,...), khối lượng khoảng 5.187,6 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Thùng nhựa HDPE 120 lít, kích thước (dài x rộng x cao): 0,95 x 0,55 x 0,46 m = 0,24 m³.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Block A: X (m) = 1.202.196,495; Y (m) = 610.453,542 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°).

- Block B: X (m) = 1.202.212,518; Y (m) = 610.415,438 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°).

- Diện tích kho lưu chứa chất thải trong nhà: Block A: 15,39 m² và Block B: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Cấu tạo: móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, sơn nước; nền đổ bê tông chống thấm bằng sika và sơn epoxy bảo vệ;

+ Tầng cao: 01 tầng; cao 5 m.

+ Kết cấu kho chứa các loại chất thải nguy hại tuân thủ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

Không trang bị do bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) phát sinh từ công trình xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn (xây dựng kín, có nắp thao tác), định kỳ 3 tháng/lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa HDPE 240 lít, kích thước (dài x rộng x cao): $0,73 \times 0,57 \times 1,06 \text{ m} = 0,44 \text{ m}^3$.

2.3.2. Kho lưu chứa trong nhà (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$ múi chiều 3°):

- Kho A1, Block A: X (m) = 1.202.150,191; Y (m) = 610.500,714
- Kho A2, Block A: X (m) = 1.202.160,543; Y (m) = 610.453,444
- Kho B1, Block B: X (m) = 1.202.291,408; Y (m) = 610.420,752
- Kho B2, Block B: X (m) = 1.202,323,430; Y (m) = 610.403,479
- Diện tích kho lưu chứa chất thải trong nhà: Block A: 20 m^2 (cuối hộp gen A1) và 23 m^2 (cuối hộp gen A2); Block B: 14 m^2 (cuối hộp gen B1) và 21 m^2 (cuối hộp gen B2).
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà:
 - + Cấu tạo: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; sử dụng gạch granite nhân tạo kích thước $300 \times 600 \text{ mm}$, chống trượt để ốp các mảng tường xung quanh, phía trên sơn nước; gạch granite để lát nền sàn.
 - + Tầng cao: 01 tầng; cao 2 m.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

Toàn bộ chất thải phát sinh tại dự án được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý (chủ dự án không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế

hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82/GPMT-STNMT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành dự án.

h